

BỘ Y DƯỢC  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Ngày cấp: 01/08/2019



**Thành phần:**  
Mỗi 10ml dung dịch uống chứa:  
Calci lactat pentahydrat.....500mg  
(Tương đương 64,9mg calci)  
Tá dược vđ.....10ml

**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS

**Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.  
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG  
TRƯỚC KHI DÙNG.**

**KHÔNG ĐƯỢC TIÊM**

**SBK (Reg.No):**  
Số lô SX (Lot.No):  
**NSX (Mfg. Date):**  
**HD (Exp. Date):**



Dung dịch uống

**Cancidvn**  
Calci lactat pentahydrat.....500mg

Hộp 6 vỉ x 5 ống 10ml

**DHT HATAPHAR**  
Cơ sở sản xuất:  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY  
Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội

**Composition:**

Each 10ml oral solution contains:  
Calcium lactate pentahydrate.....500mg  
(Equivalent to 64.9mg calcium)  
Excipients q.s.f.....10ml

**Specifications:** Manufacturer's

**Storage:** Store in a dry place, below 30°C

**Indications, administration, contraindications and other information:** See the package insert inside

**NOT INJECTED**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.  
CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING INSTRUCTIONS BEFORE USE.



Oral solution

**Cancidvn**  
Calcium lactate pentahydrate.....500mg

Box of 6 blisters x 5 vials of 10ml

Manufactured by:  
HA TAY PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY  
Population Groups No.4 - La Khê - Hà Đông - Hà Nội City





## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

1. **Tên thuốc:** CANCIDVN

2. **Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:**

“Đề xa tầm tay trẻ em”

“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”

“Không được tiêm”

3. **Thành phần công thức thuốc:** Mỗi 10ml dung dịch uống chứa:

Thành phần dược chất: Calci lactat pentahydrat.....500mg  
(Tương đương 64,9mg calci)

Thành phần tá dược: Natri citrat, acid citric, natri benzoat, tinh dầu cam, ethanol 96%, tartrazin, đường trắng, aspartam, nước tinh khiết.

4. **Dạng bào chế:** Dung dịch uống.

Mô tả: Chế phẩm lỏng, trong, màu vàng, mùi thơm, vị ngọt.

5. **Chỉ định:**

Bổ sung calci cho các trường hợp có nguy cơ thiếu calci do chế độ ăn thiếu calci, thời kỳ tăng nhu cầu calci như thời kỳ tăng trưởng, mang thai, cho con bú, người cao tuổi.

6. **Cách dùng, liều dùng:**

\* **Cách dùng:** Thuốc dùng đường uống. Uống vào buổi sáng và buổi trưa.

\* **Liều dùng:**

*Trẻ em trên 3 tuổi:* 1 ống mỗi ngày.

*Người lớn:* 1-2 ống mỗi ngày.

*Phụ nữ có thai 3 tháng cuối và cho con bú:* 2-3 ống mỗi ngày.

7. **Chống chỉ định:**

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tăng calci huyết, tăng calci niệu.

U ác tính phá hủy xương; loãng xương do bất động lâu dài.

Bệnh tim và bệnh thận.

8. **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:**

Đối với bệnh nhân có calci niệu tăng nhẹ ( $> 300\text{mg}$  hoặc  $7,5\text{mmol} / 24\text{ giờ}$ ) và tổn thương chức năng thận mức độ nhẹ hoặc vừa, hoặc với tiền sử sạn đường tiết niệu, cần theo dõi lượng calci bài tiết trong nước tiểu. Nếu cần thiết giảm liều calci hoặc ngưng điều trị. Uống nhiều nước cần được khuyến cáo đối với bệnh nhân dễ bị sạn đường tiết niệu.

Tá dược:

Trong thành phần của thuốc có tá dược aspartam chứa một lượng lớn phenylalanin, có thể gây hại trên những người bị phenylceton niệu nên thận trọng khi dùng.

Trong thành phần của thuốc có chứa tartrazin có thể gây phản ứng dị ứng.

Thuốc có chứa đường trắng (sucrose) cần được cân nhắc trên bệnh nhân đái tháo đường.

Các bệnh nhân mắc các rối loạn di truyền về dung nạp fructose, rối loạn hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu hụt enzym sucrose-isomaltase không nên sử dụng thuốc này.

9. **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

\* **Thời kỳ mang thai:** Không gây hại khi dùng liều theo nhu cầu thông thường hàng ngày. Tuy nhiên người mang thai nên được cung cấp calci bằng chế độ ăn uống đầy đủ.

\* **Thời kỳ cho con bú:** Không gây hại khi dùng liều theo nhu cầu thông thường hàng ngày.

10. **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:**

Thận trọng khi sử dụng thuốc cho người lái xe hoặc vận hành máy móc.

11. **Tương tác, tương kỵ của thuốc:**

\* **Tương tác của thuốc:**

- Tình trạng tăng calci huyết có thể xảy ra khi dùng đồng thời các muối calci với thuốc lợi tiểu thiazid hoặc vitamin D.





- Thuốc lợi tiểu thiazid làm giảm thải trừ calci trong nước tiểu. Nên kiểm soát nồng độ calci trong huyết tương ở những bệnh nhân có dùng chung những thuốc này với nhau.
  - Vitamin D làm tăng hấp thu calci qua đường tiêu hóa.
  - Các corticosteroid làm giảm hấp thu calci.
  - Calci tăng cường tác dụng và có thể làm tăng độc tính trên tim của các glycosid trợ tim.
  - Các muối calci làm giảm hấp thu một số thuốc khác như các bisphosphonat, fluorid, một vài fluoroquinolon và tetracyclin; nên dùng cách xa ít nhất 3 giờ với các thuốc này.
- \* Tương kỵ của thuốc:** Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

### 12. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Các muối calci dùng đường uống có thể gây kích ứng tiêu hóa. Dùng một lượng quá thừa các muối calci có thể dẫn đến tình trạng tăng calci huyết, thường xảy ra ở người suy thận hay đang dùng vitamin D. Triệu chứng của tăng calci huyết bao gồm chán ăn, buồn nôn, nôn, táo bón, đau bụng, yếu cơ, rối loạn tinh thần, khát nhiều, đa niệu, nhiễm calci thận, sỏi thận; trường hợp nặng: Loạn nhịp tim và hôn mê.

### 13. Quá liều và cách xử trí:

- **Quá liều:** Chán ăn, buồn nôn, nôn, táo bón, đau bụng, yếu cơ, rối loạn tinh thần, khát nhiều, đa niệu, nhiễm calci thận, loạn nhịp tim và hôn mê.
- **Cách xử trí:** Truyền tĩnh mạch dung dịch natri clorid 0,9%. Dùng các chất chẹn beta-adrenergic để phòng loạn nhịp tim nặng. Có thể thẩm phân máu, có thể dùng calcitonin và adrenocorticoid trong điều trị. Theo dõi nồng độ calci trong máu một cách đều đặn.

### 14. Đặc tính dược lực học:

CANCIDVN là dung dịch uống cung cấp calci hòa tan do đó thuốc được hấp thu nhanh ở đường tiêu hóa, giúp ngăn ngừa tình trạng thiếu calci.

### 15. Đặc tính dược động học:

Khoảng 30% calci dạng ion được hấp thu tại đường tiêu hóa. Xương và răng chứa 99% lượng calci của cơ thể. Trong tổng lượng calci huyết thanh có 50% ở dạng ion, 5% ở dạng phức hợp anion và 45% gắn kết với protein huyết tương. Khoảng 20% calci thải trừ qua đường tiểu và 80% qua phân, lượng thải trừ qua phân bao gồm lượng calci không được hấp thu và lượng calci được tiết qua đường mật và dịch tụy.

### 16. Quy cách đóng gói:

Hộp 6 vỉ x 5 ống 10ml. Kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

### 17. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.**

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

### 18. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

**Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**

**Địa chỉ: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội**

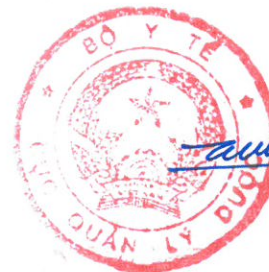
ĐT: 024.33522203

FAX: 024.33522203

ĐT: 024.33824685

FAX: 024.33829054

Hotline: 024.33 522525



TUQ.CỤC TRƯỞNG  
P.TRƯỞNG PHÒNG  
Nguyễn Ngọc Anh